

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0173020 - Đồ án Thi công Đường ô-tô
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Công	Hậu	3551010048	18/10/1993		7,00	7,00	
2	Phạm Minh	Tuấn	3571010004	29/07/1993		7,00	7,00	
3	Nguyễn Thị Bé	Rine	3571010006	09/04/1993		,00	,00	Nợ HP
4	Nguyễn	Phúc	3571010008	06/09/1993		7,00	7,00	Nợ HP
5	Nguyễn Tuấn	Anh	3571010026	15/03/1993		7,00	7,00	
6	Hoàng Bảo	Long	3571010036	14/08/1993		5,00	5,00	
7	Nguyễn Văn	Thông	3571010084	04/11/1993		7,00	7,00	
8	Nguyễn Đức	Hậu	3571010172	05/10/1991		6,00	6,00	
9	Đỗ Thanh	Tân	3571010183	08/05/1993		5,00	5,00	
10	Đoàn Hoài	Nhân	3571010198	17/11/1993		7,00	7,00	
11	Nguyễn Cảnh	Tâm	3571010202	06/10/1993		,00	,00	Nợ HP
12	Phạm Văn	Vĩnh	3571010204	14/05/1993		,00	,00	Nợ HP
13	Võ Thành	Thương	3571010205	26/02/1993		,00	,00	Nợ HP
14	Nguyễn Đức	Thanh	3571010226	12/02/1991		5,00	5,00	
15	Hà Văn	Thạo	3571010345	22/02/1993		5,00	5,00	Nợ HP
16	Võ Trần	Nhật	3571010373	07/08/1993		5,00	5,00	
17	Trần Công	Bình	3571010385	08/06/1993		7,00	7,00	
18	Ngô Trọng	Nhân	3571010575	02/08/1993		5,00	5,00	
19	Trần Khắc	Quang	3571010581	20/04/1992		5,00	5,00	
20	Trần Văn	Mong	3571010599	25/01/1993		5,00	5,00	
21	Đồng Duy	Tâm	3571010664	25/02/1993		5,00	5,00	
22	Trịnh Duy	Mạnh	3571010674	10/03/1993		7,00	7,00	
23	Lê Tiến	Khoa	3571010692	13/03/1993		7,00	7,00	
24	Ngô Vũ Minh	Tân	3571010696	08/04/1993		6,00	6,00	
25	Nguyễn Văn	Thắng	3571010698	20/11/1993		6,00	6,00	
26	Nguyễn Văn	Tiến	3571010706	01/05/1992		6,00	6,00	
27	Phan Thanh	Được	3571010709	26/09/1993		8,00	8,00	Nợ HP
28	Cao Văn	Thanh	3571010720	01/05/1993		6,00	6,00	
29	Yên Văn	Vĩnh	3571010723	18/07/1992		6,00	6,00	
30	Nguyễn Bá Tuấn	Anh	3571010725	03/06/1993		,00	,00	Nợ HP
31	Hồ Quốc	Sự	3571010727	07/01/1992		7,00	7,00	
32	Trương Quốc	Thịnh	3571010729	27/04/1993		8,00	8,00	
33	Hồ Anh	Vũ	3571010731	06/08/1993		7,00	7,00	
34	Bùi Duy	Trường	3571010732	19/10/1993		5,00	5,00	
35	Nguyễn Bá	An	3571010734	16/02/1993		8,00	8,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trương Lưu	Quang	3571010736	27/08/1993		5,00	5,00	
37	Nguyễn Hoàng	Hải	3571010743	21/06/1993		6,00	6,00	
38	Trần Tiến	Thịnh	3571011690	26/06/1993		7,00	7,00	Nợ HP
39	Bùi Trọng	Hữu	3571011756	24/07/1993		5,00	5,00	
40	Lâm Văn	Hiếu	3571011796	08/08/1993		5,00	5,00	
41	Hoàng Ngọc	Tấn	3571011827	26/04/1993		6,00	6,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)